

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua hóa chất dùng chung và vật tư y tế tại bệnh viện đa khoa Như Thanh năm 2025-2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh
Khu phố 3 - Thị trấn Bến Sung – Huyện Như Thanh – Tỉnh Thanh Hóa
 - Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Ông: Lê Hữu Hiệp – Trưởng Khoa Dược bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh.
Điện thoại: 0974272923
Email: Lehiep.bvnt@gmail.com
 - Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa dược bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh.
Khu phố 3 - Thị trấn Bến Sung – Huyện Như Thanh – Tỉnh Thanh Hóa
 - Nhận qua email: Lehiep.bvnt@gmail.com
 - Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 16 tháng 12 năm 2024 đến trước 17h00 ngày 25 tháng 12 năm 2024
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục yêu cầu báo giá.

STT	Danh mục	Mô tả về yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	đơn vị tính
I	1. Vật tư y tế			
1	Tăm bông vô trùng	Que lấy mẫu bệnh phẩm cán gỗ. Không có DNase/ RNase, không chứa chất ức chế với phản ứng PCR, tiệt trùng bằng EO Gas. Thể tích mẫu: 0.15 ml. Kích thước: 12*175 mm.	2,760	Cái
2	Dung dịch đa Enzym làm sạch dụng cụ y tế.	Dung dịch làm sạch dụng cụ y tế chứa thành phần: Enzyme Protease: 0,5% (w/w), Lipase: 0,2% (w/w), Amylase: 0,15% (w/w), Cellulase : 0,05% (w/w), Mannanase : 0,05% (w/w). pH nằm trong khoảng 7-8	55	lít

3	Nước oxy già	Dung dịch oxy già (H ₂ O ₂) 3%	920	chai
4	Povidon Iodine 10%	Thành phần chính: Povidone Iodine 10% (kl/tt).pH nằm trong khoảng 1,5-6,5	345	lít
5	Dung dịch khử khuẩn trang thiết bị y tế	Thành phần: 2% Glutaraldehyde không cần hoạt hóa, pH=6 Khử khuẩn mức độ cao: 10 phút. Đạt tiêu chuẩn EN 14561, EN 14562, EN 14563, EN 17111 Tái sử dụng trong 30 ngày (tặng kèm test thử).	414	lít
6	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	4%kl/kl Chlorhexidine Digluconate.Hàm lượng phụ gia vừa đủ 100%	345	lít
7	Dung dịch cồn rửa tay khử khuẩn	Thành phần: 75%tt/tt Ethanol, 8%tt/tt Isopropyl Alcohol, 0.5%tt/tt Chlorhexidine Digluconate. Chất giữ ẩm: Glycerine, Vitamin E. Có tác dụng diệt khuẩn hoàn toàn đối với các vi khuẩn như: S.aureus, P.aeruginosa, S.flexneri, C.albicans, B.Subtilis và M.tuberculosis sau thời gian tiếp xúc 1 phút.	736	lít
8	Băng dính lụa 1.25cm x 9.1m	Băng dính vải đa dụng - Nền vải lụa acetate taffeta (50-70%), mịn, mềm, không đàn hồi với độ bền kéo mạnh. - Keo Acrylate 30-50% (không chứa mù cao su), Polyme: < 1%, độ dính tốt, ít gây dị ứng và không sót keo khi tháo băng ra. - Xé theo 2 chiều - Kích thước: 1.25cm x 9.1m - Lõi giấy - Chống thấm nước.	2,990	Cuộn
9	Băng rôn tiết trùng	Thành phần 2 khoản gồm: Băng rôn: 1 cái + gạc đắp rôn 5cmx 5cm x 12 lớp: 1 cái Công dụng : Được dùng để băng đắp bên ngoài, quanh vùng rôn trẻ sơ sinh. Hình thức: Băng rôn có dạng hờ 2 đầu : Chiều dài băng rôn : 10cm (± 1cm), Chiều ngang băng rôn : 7cm (± 1cm) Sản phẩm có màu trắng ngà của sợi, không dính bụi bẩn đảm bảo vệ sinh. Không mùi, không được nhuộm màu. Sợi dệt đồng đều, mịn, đàn hồi. Sản phẩm được tiết tùng bằng khí Eo.gas Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận GMP,CE.	2,300	cái
10	Băng dính lụa 2.5cm x 9.1	Băng dính vải đa dụng: - Nền vải lụa acetate taffeta (50-70%), mịn, mềm, không đàn hồi với độ bền kéo mạnh. - Keo Acrylate 30-50% (không chứa mù cao su), Polyme: < 1%, độ dính tốt, ít gây dị ứng và không sót keo khi tháo băng ra. - Xé theo 2 chiều - Kích thước: 2.5cm x 9.1m - Lõi giấy - Chống thấm nước.	3,450	Cuộn
10	Gạc phẫu thuật ổ bụng	Gạc phẫu thuật ổ bụng 20 x 40 cm x 8 lớp. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao, không có độc tố, Không có hóa chất tẩy trắng. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong	1,800	Miếng

		nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ ngậm nước >=5gr nước/1gr gạc. Độ ẩm: Không quá 8%; Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính. Chất tan trong nước <0.5%. Độ pH: trung tính. Độ trắng: >=80% +/- 10%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam III. Đã tiệt trùng bằng E.O.Gas - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận FDA của Hoa Kỳ; Kết quả kiểm nghiệm của Trung tâm Quatest 1.		
11	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x40cm x8 lớp	Đóng gói bằng túi giấy y tế chuyên dụng có tem chỉ thị màu để phân biệt độ tiệt trùng của sản phẩm. Tiệt trùng bằng khí EO; Không có hóa chất tẩy trắng; Thời gian chìm không quá 10 giây; Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; Độ ẩm: Không quá 8%; Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016/9001:2015	3,600	Miếng
12	Gạc phẫu thuật không dệt	Gạc phẫu thuật không dệt 10 x 10 cm x 2 lớp tiệt trùng xẻ giữa. Đóng gói bằng túi giấy y tế chuyên dụng có tem chỉ thị màu để phân biệt độ tiệt trùng của sản phẩm. Tiệt trùng bằng khí EO; Không có hóa chất tẩy trắng; Thời gian chìm không quá 10 giây; Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; Độ ẩm: Không quá 8%; Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính. .	1,000	Miếng
13	Gạc phẫu thuật không dệt 7,5 cm x7,5 cm x 6 lớp, VT	Gạc phẫu thuật 7,5 x 7,5 x 6 lớp. Sản phẩm được làm từ chất liệu vải không dệt. Không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng, Không có hóa chất tẩy trắng. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Chất tan trong nước <0.5%. Độ pH: trung tính. Độ trắng: >=80% +/- 10%. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên. Độ ẩm: Không quá 8%; Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính. Đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam III. Đã tiệt trùng bằng E.O.Gas - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận FDA của Hoa Kỳ; CE; Kết quả kiểm nghiệm của Trung tâm Quatest 1.	2,000	Miếng
14	Bơm cho ăn 50ml	- Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485. - Đạt tiêu chuẩn môi trường ISO 14001: 2015	299	cái
15	Bơm tiêm khoảng chết thấp vô trùng sử dụng một lần 1ml (dùng tiêm insulin)	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 1ml, cỡ kim 30Gx1/2". Khoảng chết thấp ≤ 0,035ml. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không có độc tố và chất gây sốt. Đạt TCVN 5903:1995 (ISO 7886-1:2017) ; EN ISO 13485:2016; ISO 9001:2015.	59,800	cái

16	Bơm tiêm insulin	<ul style="list-style-type: none"> - Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Bơm gắn liền kim, dung tích 1ml. Kim các cỡ 30Gx1/2" và 30Gx5/16" - Bơm tiêm in đồng thời vạch chia cho cả 100 và 40 đơn vị insulin (100UI và 40UI). - Gioăng có núm giúp đi hết hành trình của thuốc. - Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, không có độc tố và chất gây sốt 	46,000	cái
17	Dây truyền máu	<p>Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng;</p> <p>Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng.</p> <p>Dây dài ≥ 1500mm hoặc điều chỉnh theo yêu cầu, làm từ chất liệu PVC y tế không chứa DEHP, không gây sốt, không độc hại, tiệt trùng bằng khí EO. Kim sắc, các cỡ. Màng lọc ở bầu có kích thước lỗ lọc 200μm, tốc độ dòng chảy 20 giọt/ml.</p> <p>Có phiếu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn về giới hạn tan máu : ISO 10993-4:2017</p> <p>Có phiếu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn về độc tính hệ thống: ISO 10993-11:2017</p> <p>Có phiếu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn về độ nhạy cảm: ISO 10993-10:2021</p> <p>Có phiếu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn về nội độc tố tế bào: ISO 10993-5:2009</p> <p>Có phiếu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn về chất gây sốt: ISO 10993-11:2017</p> <p>Có phiếu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn về kích ứng: ISO 10993-23:2021</p> <p>Đạt tiêu chuẩn môi trường ISO 14001: 2015</p>	81	Bộ
18	Dây nối bơm tiêm điện	<p>Dây nối bơm tiêm điện có khóa kết nối luer lock được làm từ chất liệu PVC y tế trong suốt, đường kính trong ≤ 0.9mm, đường kính ngoài ≤ 1.9mm, có khoá chặn dòng. Độ dài của dây nối có đủ các cỡ 30/75/140/150 cm. Tiệt trùng bằng EO, không gây sốt.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.</p>	276	cái
19	Dây dẫn lưu nhựa	<p>Chất liệu bằng nhựa trắng silicol. Kích thước 5ID x 7OD hoặc 7ID x 10OD.</p> <p>Dây trơn láng, mềm dẻo và trong suốt, không gây đọng dịch máu trong dây.</p>	276	cái
20	Dây nối máy bơm tiêm điện 140 cm	<p>Dây nối bơm tiêm điện. Đầu nối vặn xoắn Luer Lock, có khóa dừng. Dây chất liệu PVC không Latex, không DEHP thay thế bằng DEHT. Dây dài 140 cm, chịu áp lực 2 bar. Đường kính trong 0.9mm, đường kính ngoài 1.9mm. Dây chứa 1ml trong nòng.</p>	276	cái
21	Bộ truyền giảm đau sau mổ	<ul style="list-style-type: none"> - Dung tích: 275ml - Vỏ bơm cấu tạo từ vật liệu AS, ABS. - Bên trong vỏ bơm truyền dịch có ốp chụp bảo vệ giới hạn lượng dung dịch bơm vào vượt quá dung tích cho phép. - Cổng bơm thuốc vào nằm trên dây dẫn, có van silicone một chiều, làm từ vật liệu ABS, PVC. 	10	Bộ

		<ul style="list-style-type: none"> - Tổ hợp 4 vị trí điều chỉnh trong một sản phẩm: 2ml/h, 4ml/h, 6ml/h, 8ml/h. Khóa rời điều chỉnh tốc độ dòng. - Tích hợp bộ giảm đau PCA: liều bolus: 1ml, thời gian lockout time: 15 phút. - Bộ phận lọc khí màng lọc 5µm. - Có tích hợp thang đo thể tích in lên trên vỏ bơm truyền. 		
22	Catherter Tmtt 1 nòng	Catheter Tĩnh mạch trung tâm 1 nòng 14G hoặc 16G x 20cm, đầy đủ phụ kiện kim dẫn, catheter, bơm tiêm, đầu nong, dụng cụ cố định catheter, đầu catheter màu xanh kiểu mũi linh động an toàn.	23	cái
23	Catherter Tmtt 2 nòng	<p>Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng, chất liệu Polyurethane có cân quang, có thước đo để đánh dấu vị trí đặt catheter. G14/G18. Cỡ 7F,15cm (tốc độ 90/24ml/phút), 7F,20cm (tốc độ 83/18ml/phút)</p> <p>Đầu nối catheter có nút chặn van hai chiều tránh nhiễm khuẩn. Dây dẫn thép không gỉ 0.035"X60cm mềm dẻo, linh hoạt, chống vặn xoắn, gãy gập, đầu J giảm tổn thương khi chèn, có khả năng dò điện cực để định vị đầu catheter bằng sóng ECG. Kim dẫn đường thẳng hoặc Y có van chặn máu trào ngược tránh tắc mạch do khí</p> <p>Có 2 bơm tiêm 5ml, cây nong 8FrX9cm, dao mổ, kẹp catheter, kẹp ngăn dòng.</p> <p>Vô trùng EO, ISO-TUV, CE-TUV, CFS Châu Âu (Hà Lan)</p>	23	cái
24	Phin lọc khuẩn HME (Phin lọc khuẩn đa chức năng)	<p>Bộ lọc nhiệt và trao đổi độ ẩm, có cổng CO2, trọng lượng nhẹ, kháng dòng chảy thấp. Lọc hiệu quả ≥99.99%, kết nối 22M/15F~15M/22F, thể tích khí lưu thông: 150-1500ml, độ ẩm tuyệt đối (500ml VT, 20BPM): H2O 33mg/L, không gian chết: 55ml</p> <ul style="list-style-type: none"> • HME màng với cổng CO2, sản lượng ẩm HME tuyệt vời, các bộ lọc được thiết kế để ngăn chặn vi khuẩn/virus lây nhiễm chéo, hệ thống được sử dụng trên một bệnh nhân trong thông khí thở, tiết trùng bằng khí EO. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016 	200	cái
25	Kim hai cánh bướm các cỡ	<p>Bộ kim cánh bướm, cỡ 23G, 25G. Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài ≥30cm, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.5mm, không DEHP. Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp. Có đầu kết nối Luer lock. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiết trùng. Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiết trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485. Có phiếu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO 7864:2016 (của đơn vị thứ 3)</p> <p>Đạt tiêu chuẩn môi trường ISO 14001: 2015</p>	4,186	cái
26	Kim chọc tủy sống	<p>1. Đầu kim 3 mặt vát, bén, giảm nguy cơ tụ máu dưới màng cứng</p> <p>2. Đường kính ngoài của kim ngoài từ 1.25mm - 0.41mm, thành kim mỏng cho dòng chảy tốt, Chiều dài mặt vát từ 3.41mm - 1.23 mm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: - 18GX3 1/2" (1.25mm)X88mm - 20G x 3 1/2" (0.90mm)X88mm - 21G x 3 1/2" (0.80mm)X88mm - 22G x 3 1/2" (0.70mm)X88mm 	897	cái

		<ul style="list-style-type: none"> - 25G x 3 1/2" (0.50mm)X88mm - 27G x 3 1/2" (0.41mm)X88mm 3. Đường kính ngoài của kim thông nòng, tương ứng size 18G/20G/21G/22G/25G/27G là 0.9mm, 0.6mm, 0.5mm, 0.45mm, 0.3mm, 0.22mm 4. Có khoang trống giữa que thông nòng và thành kim, đốc kim Polypropylene (PP) trong suốt để quan sát dịch não tủy, có nhiều rãnh ngang giúp cầm chắc chắn 5. Tiệt trùng EO 6. Công nghệ thép sản xuất tại Nhật Bản 7. Mã code theo màu sắc để chọn lựa 8. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 		
27	Kim chọc dò và gây tê tủy sống các số	<ul style="list-style-type: none"> 1. Đầu kim 3 mặt vát, bén, giảm nguy cơ tụ máu dưới màng cứng 2. Đường kính ngoài của kim ngoài từ 1.25mm - 0.41mm, thành kim mỏng cho dòng chảy tốt, Chiều dài mặt vát từ 3.41mm - 1.23 mm 3. Đường kính ngoài của kim thông nòng, tương ứng size 18G/20G/21G/22G/25G/27G là 0.9mm, 0.6mm, 0.5mm, 0.45mm, 0.3mm, 0.22mm 4. Có khoang trống giữa que thông nòng và thành kim, đốc kim Polypropylene (PP) trong suốt để quan sát dịch não tủy, có nhiều rãnh ngang giúp cầm chắc chắn 5. Tiệt trùng EO 6. Công nghệ thép sản xuất tại Nhật Bản 7. Mã code theo màu sắc để chọn lựa 8. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	920	cái
28	Kim luồn tĩnh mạch có cánh có cửa	<p>Kim luồn có cánh có cửa bơm thuốc 18G - 26G. Chất liệu FEP, có 3 vạch cản quang ở thân catheter, có cánh và có cửa bơm thuốc, có khả năng lưu kim được đến 96h. Chuôi kim có tấm xốp vi lọc chỉ cho khí đi qua.</p> <p>Các cỡ với các màu khác nhau: 26G x 3/4" (O.D: 0,64 x 19mm, 19ml/min) màu tím; 24G x 3/4" (O.D: 0.74 x 19 mm, 29ml/min) màu vàng; 22G x 1" (O.D: 0.9 x 25 mm, 42ml/min) màu xanh; 20G x 1- 1/4" (O.D: 1,0 x 32 mm, 59ml/min) màu hồng; 18G x 1-3/4" (O.D: 1,3 x 45 mm, 96ml/min) màu xanh lá cây; 16G x 1-3/4" (O.D: 1.75 x 45 mm, 225ml/min) màu xám; 14G x 1-3/4" (O.D: 2.0 x 45 mm, 290ml/min) màu cam.</p>	16,560	cái
29	Kim luồn tĩnh mạch an toàn có cánh có cửa 18G; 20G; 22G	<p>Kim luồn tĩnh mạch an toàn có cánh và cửa bơm thuốc, có bốn vạch cản quang trong cannunyn, catheter chất liệu FEP-Teflon. Đầu kim 3 mặt vát (1 mặt vát trên, 2 mặt vát dưới), có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau, có mũ sắt bịt lại đầu kim khi đã sử dụng xong. Độ dài Trim Length < 1mm,</p> <p>Kích cỡ: 18G; 20G; 22G</p> <p>18G x 1 3/4" (1,3 x 45mm; 96 ml/ phút); 20G x 1 1/4" (1,1 x 33mm; 61 ml/ phút); 22G x 1" (0,9 x 25mm; 36 ml/ phút)</p>	2,760	cái
30	Kim luồn mạch máu an toàn trẻ em 24G	<p>Kim luồn tĩnh mạch an toàn trẻ em có cánh, không cửa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau, có mũ sắt bịt lại đầu kim - Có 4 đường cản quang ngầm 	1,945	cái

		- Màng kỹ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền - Catheter chất liệu FEP-Teflon. Đầu kim 3 mặt vát (1 mặt vát trên, 2 mặt vát dưới), tốc độ chảy 22ml/phút, (Tốc độ chảy 1320 ml/giờ) Kích cỡ: 24G x 3/4" (0,7 x 19mm; 22 ml/ phút)		
31	Kim nha khoa	1. Kim 3 mặt vát, thành mỏng, bén nhưng vẫn chắc chắn giúp xuyên mượt mà không gây tổn thương. Kim làm bằng thép không gỉ SUS 304 2. 27G: Đường kính ngoài của kim 0.4-0.42 mm. Đường kính trong 0.184 mm. Chiều dài mặt vát 1.8-2.2 mm 30G: Đường kính ngoài của kim 0.31-0.325 mm. Đường kính trong của kim 0.140 mm. Chiều dài mặt vát 1.3-1.7 mm 3. Kháng lực xuyên da ≤ 55gf (27G); ≤ 50gf (30G) 4. Có ký hiệu trên đốc kim giúp định hướng mặt vát 5. Mã màu sắc dễ chọn lựa 6. Tiệt trùng EO/ EOG 7. Đạt ISO 13485, CE	4,600	cái
32	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 1	Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910 (90% Polyglycolic acid+ 10% Polylactic acid) số 1, dài 90cm, được nhuộm bởi màu tím D&C Violet số 2 (C.I.607205), lớp áo bao tổng hợp tan được, gồm hỗn hợp hai thành phần với tỉ lệ bằng nhau của một chất đồng trùng hợp từ glycolid và L-lactid với canxi stearat, Lực căng kéo đứt đứt: 66,30N. Kim tròn 1/2 vòng tròn, dài 40mm, kim phủ silicone. Sức căng kéo giảm 50% sau 21 ngày, 75% sau 14 ngày và 25% sau 28 ngày, tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. Tiệt trùng bằng E.O. Tiêu chuẩn EC, EN ISO 13485.	110	Sợi
33	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền số 1	Chỉ tiêu trung bình đa sợi thành phần cấu tạo từ Glycolide/lactide copolymer, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate. Sợi chỉ số 1, dài 90cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 40mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ bằng silicone sắc bén. Sợi chỉ đạt lực khỏe nút buộc ban đầu 140%, đạt 80% ở thời điểm 2 tuần và 30% ở thời điểm tuần 3 tuần sau khi khô. Chỉ tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. Tiêu chuẩn ISO và CE. Chứng nhận CFS và CFG (do FDA cấp)	110	Sợi
34	Chỉ tiêu đa sợi số 1 có kháng khuẩn	Polyglactin 910 có kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate. Lớp bao phủ Poly (glycolide-co-lactide) (30:70) - Glacomer 370, calcium stearate và Chlorhexidine Diacetate ≤ 60µg/m. Kim thép không gỉ, phủ silicon. Chỉ số 1, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm. Tiêu hoàn toàn trong khoảng thời gian 56-70 ngày; Sức căng còn 75% sau 2 tuần, 50% sau 3 tuần Giữ vết khô tốt trong vòng 30 ngày.	3,781	Sợi
35	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền số 2/0	Chỉ tiêu trung bình đa sợi thành phần cấu tạo từ Glycolide/lactide copolymer, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate. Sợi chỉ số 2/0, dài 75cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 26mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ bằng silicone sắc bén. Sợi chỉ đạt lực khỏe nút buộc ban đầu 140%, đạt 80% ở thời điểm 2 tuần và 30% ở thời điểm tuần 3 tuần sau khi khô. Chỉ tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. Đóng gói vô trùng	166	Sợi
36	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền số 3/0	Chỉ tiêu trung bình đa sợi thành phần cấu tạo từ Glycolide/lactide copolymer, bao phủ bằng hỗn hợp	957	Sợi

		Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate. Sợi chỉ số 3/0, dài 75cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 26mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ bằng silicone sắc bén. Sợi chỉ đạt lực khỏe nút buộc ban đầu 140%, đạt 80% ở thời điểm 2 tuần và 30% ở thời điểm tuần 3 tuần sau khi khô. Chỉ tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. Đóng gói vô trùng		
37	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện số 4/0	Chỉ tiêu trung bình đa sợi thành phần cấu tạo từ Glycolide/lactide copolymer, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate. Sợi chỉ số 4/0, dài 75cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 17mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ bằng silicone sắc bén. Sợi chỉ đạt lực khỏe nút buộc ban đầu 140%, đạt 80% ở thời điểm 2 tuần và 30% ở thời điểm tuần 3 tuần sau khi khô. Chỉ tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. Đóng gói vô trùng	92	Sợi
38	Chỉ tiêu đa sợi số 4/0	Chỉ Polyglactin 910 số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 20 mm, Chất liệu 90% glycolide và 10% L-lactide, cấu trúc đa sợi bện, lớp bao phủ Poly(glycolide-co-lactide)(30:70) và Calcium stearate, duy trì sức căng 75% sau 2 tuần và 50% sau 3 tuần, độ tan 56-70 ngày. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Chứng nhận US-FDA tương đương Vicryl. Xuất xứ: Việt Nam	166	Sợi
39	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện số 5/0	Chỉ tiêu trung bình đa sợi thành phần cấu tạo từ Glycolide/lactide copolymer, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate. Sợi chỉ số 5/0, dài 75cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 17mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ bằng silicone sắc bén. Sợi chỉ đạt lực khỏe nút buộc ban đầu 140%, đạt 80% ở thời điểm 2 tuần và 30% ở thời điểm tuần 3 tuần sau khi khô. Chỉ tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. Đóng gói vô trùng	83	Sợi
40	Chỉ không tiêu số 5/0	Chỉ không tan tổng hợp Nylon số 5/0, dài 75 cm, sợi chỉ phủ silicon, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm, Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Sợi chỉ có cấu trúc vững chắc, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt.	110	Sợi
41	Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi Nylon 5/0	Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi làm bằng chất liệu Polyamide 6 hoặc 6.6 số 5/0 dài 75cm, kim tam giác ngược 16mm, 3/8C. Đạt tiêu chuẩn ISO13485; CE; FDA	36	Sợi
42	Chỉ không tan tổng hợp Nylon số 10/0	Chỉ không tan tổng hợp Nylon số 10/0, dài 30 cm, sợi chỉ phủ silicon, 2 kim hình thang 3/8c, dài 6 mm, Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Sợi chỉ có cấu trúc vững chắc, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt	55	Tép
43	Chỉ khâu nhãn khoa 9/0; 10/0	Chỉ khâu phẫu thuật mắt số 9/0; 10/0, có 2 kim Chỉ không tiêu. Đường kính 0.15mm; Chiều dài kim 6.0mm; 3/8 đường tròn 140° Chiều dài chỉ : 30cm	110	Sợi
44	Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu liền kim vô trùng Chromic Catgut số 2/0	Chỉ tiêu tự nhiên Chromic Catgut liền kim số 2/0 chất liệu Collagen tinh khiết, cấu trúc đơn sợi tan chậm, kim tròn 26 mm. giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 14 - 21 ngày, độ tan 90 ngày.	612	Sợi

45	Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu liền kim vô trùng Chromic Catgut số 1	Chỉ tan chậm tự nhiên (Chromic Catgut) số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm, Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Chỉ làm từ collagen tinh khiết từ thanh mạc ruột bò, sợi chắc, mềm dễ uốn Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Giữ vết khâu tốt trong vòng 14-21 ngày, tan hoàn toàn trong vòng 90 ngày	120	Sợi
46	Chỉ Nylon đơn sợi số 6/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamind 6 số 6/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn dài 12mm, Kim chất liệu thép không rỉ, kim phủ silicone	36	Sợi
47	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền số 6/0	Chỉ tiêu trung bình đa sợi thành phần cấu tạo từ Glycolide/lactide copolymer, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate. Sợi chỉ số 6/0, dài 45cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 12mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ bằng silicone sắc bén. Sợi chỉ đạt lực khỏe nút buộc ban đầu 140%, đạt 80% ở thời điểm 2 tuần và 30% ở thời điểm tuần 3 tuần sau khi khâu. Chỉ tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. Đóng gói vô trùng	72	Sợi
48	Chỉ tiêu tự nhiên Chromic Catgut liền kim 1/0	Chỉ tiêu tự nhiên Chromic Catgut liền kim 1/0, chất liệu Collagen tinh khiết, cấu trúc đơn sợi tan chậm, chiều dài của chỉ 75cm, kim tròn 1/2. Kim dài 26mm giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 14 - 21 ngày, độ tan 90 ± 2 ngày.	460	Sợi
49	Chỉ thép liền kim số 5	Chỉ thép số 5, dài 75 cm, kim tròn trocar 1/2c, dài 55 mm, Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi vuốt nhọn UltraGlyde Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả	55	Sợi
50	Phim XQ khô 20 x 25 cm	Phim X-quang laser (DI-HL) kích thước 20*25 cm được thiết kế đặc biệt chuyên dùng máy in phim Fujifilm laser Drypix. Cấu tạo gồm 4 lớp: lớp bảo vệ phía trên, lớp nền phim, lớp nhạy quang, lớp bảo vệ phía dưới. Phim có nền xanh, nhạy quang, mật độ quang tối đa: 3.3. Thành phần lớp bảo vệ phía trên: 86% gelatin; lớp nền phim 100% polyethylene terephthalate, độ dày của lớp nền phim: 170 μ m; lớp nhạy quang: 59% latex polymer và 36% phụ gia nhạy quang; lớp bảo vệ phía dưới: 88% gelatin. Nhiệt độ bảo quản phim mới: 10°C - 25°C, độ ẩm 30-60%RH.	41,262	Tờ
51	Phim XQ khô 25 x 30 cm	Phim X-quang laser (DI-HL) kích thước 25*30 cm được thiết kế đặc biệt chuyên dùng máy in phim Fujifilm laser Drypix. Cấu tạo gồm 4 lớp: lớp bảo vệ phía trên, lớp nền phim, lớp nhạy quang, lớp bảo vệ phía dưới. Phim có nền xanh, nhạy quang, mật độ quang tối đa: 3.3. Thành phần lớp bảo vệ phía trên: 86% gelatin; lớp nền phim 100% polyethylene terephthalate, độ dày của lớp nền phim: 170 μ m; lớp nhạy quang: 59% latex polymer và 36% phụ gia nhạy quang; lớp bảo vệ phía dưới: 88% gelatin. Nhiệt độ bảo quản phim mới: 10°C - 25°C, độ ẩm 30-60%RH.	106,276	Tờ
52	Phim X-quang nha khoa rửa răng nhanh	Phim và nước đóng sẵn trong 1 lá phim. Quy cách đóng gói: 50 phim/ hộp, 20 hộp/ thùng Hạn sử dụng: 2 năm từ ngày sản xuất	3,588	Tờ

53	Ống nghiệm máu thủy tinh các cỡ	Chất liệu thủy tinh dùng để đựng máu xét nghiệm. Thể tích 5ml (đường kính 12mm, cao 80mm, dày 0,6mm)	23,000	ống
54	Ống nghiệm nước tiểu thủy tinh các cỡ	Chất liệu thủy tinh dùng để đựng nước tiểu xét nghiệm. Thể tích 10ml (đường kính 16mm, cao 100mm, dày 0,6mm)	92,000	ống
55	Ống nghiệm có chứa dung dịch Citrate 3,8%	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu xanh lá. Hóa chất bên trong là Sodium Citrate nồng độ 3.8%. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE Xuất xứ: Việt Nam	11,040	ống
56	Ống đặt nội khí quản (có bóng) các số	Làm từ nhựa PVC không độc hại, không chứa DEHP, trong suốt, mềm và mịn Có bóng Kích thước: 3.0mm-9.0mm Có mắt Murphy Đóng gói trong từng túi tiệt trùng	598	cái
57	Ống thông tiểu 1 nhánh (nelaton)	<ul style="list-style-type: none"> • Được thể kế để đặt ống thông bàng quang ngắn hạn ở niệu đạo nam giới. • Được sản xuất từ chất đàn hồi silicon 100% tự nhiên không độc hại, không gây dị ứng. • Đầu khép kín có hai mắt bên. • Màu sắc: màu vàng kem. • Thân ống mềm mại trong suốt. • Được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ từng túi. • Size: 8, 10, 12, 14, 16 & 18 	1,196	cái
58	Ống thông nước tiểu Latex Foley 2 nhánh	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu 100% cao su thiên nhiên có phủ silicon trơn nhẵn, giảm kích ứng và tương thích với cơ thể bệnh nhân. - Loại: 2 nhánh - Thành ống dày chống gãy gập, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt. - Kích thước đầu tip ngắn: 15-24mm giảm kích thích bàng quang, chiều dài tổng thể: 270mm- 400mm, chiều dài phễu: 40mm. - Lỗ thông tiểu lớn và trơn giúp thông tiểu dễ và nhanh hơn, Valve bơm bóng có lò xo, đảm bảo độ ổn định cả khi bơm và xả. Tráng silicon trong lòng giúp không bị tắc - Van bằng cao su - Size: 6-26 được phân biệt theo màu sắc - Size 6- 10(trẻ em) chiều dài 270mm, dung tích bóng 3-5 ml/cc - Size 12-22 (tiêu chuẩn) chiều dài 400mm, dung tích bóng 30ml/cc - Size 24-26 (tiêu chuẩn) chiều dài 400mm, dung tích bóng 30ml/cc - Tiệt trùng bằng khí EO - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE 	920	cái
59	Thông tiểu 2 nhánh	Thông tiểu 2 nhánh các số. Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ Dầu silicon giảm kích ứng, thành ống dày chống gãy gập, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt, Bóng 30ml đối xứng, bóng thiết kế đặc	920	cái

		biệt chống vỡ, Xông 2 nhánh, chất liệu không có chất DEHP.		
60	Mask thở oxy có túi	<ul style="list-style-type: none"> - Mặt nạ thở oxy có túi bao gồm: Dây dẫn, mặt nạ nẹp mũi, màng silicone, dây chun, đầu nối túi khí, túi khí, đầu nối dây dẫn. - Mặt nạ và dây dẫn được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh màu trắng trong, không có chất tạo màu. Dây dẫn có chiều dài $\geq 2100\text{mm}$, lòng ống có khóa chống gập - Các cỡ: M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Có phiếu kiểm nghiệm chứng minh, Các điểm nối của mặt nạ phải chịu được lực kéo $\geq 15\text{N}$ 	23	cái
61	Mask xông khí dung	<ul style="list-style-type: none"> - Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong, không có chất tạo màu. Có bộ khí dung. - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2100\text{mm}$, lòng ống có khóa chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khí mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485. 	1,196	cái
62	Lamen 22x22	Kích thước 22*22mm, Được làm bằng thủy tinh borosilicate 3.3 màu trắng tinh khiết, kháng hóa chất, có đặc tính quang học tuyệt vời, phân tử ổn định cấu trúc, độ phẳng đồng đều, kích thước đồng đều, tính linh hoạt lý tưởng, thời hạn sử dụng được kéo dài đáng kể. Ứng dụng được đề xuất: hướng dẫn về mô học, tế bào học, phân tích nước tiểu và vi sinh.	16,100	cai
63	Đầu côn vàng 200ul	Đầu côn vàng dung tích 200 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác.	46,000	cái
64	Giấy điện tim 3 cần	Kích thước 63mm*30m*17 mm, chất liệu bằng giấy in nhiệt và có 1 mặt được in dòng kẻ sẵn đếm nhịp điện tim	2,760	Cuộn
65	Đầu côn xanh 1000ul	Đầu côn xanh dung tích 1000 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác.	138,000	cái
66	Lam kính xét nghiệm	Chất liệu thủy tinh trung tính. Trong suốt. Kích thước 25,4*76,2mm (1"*3")	18,400	cái
67	Vật tư tiêu hao sử dụng cho máy phát tia plasma lạnh hỗ trợ điều trị vết thương	<ul style="list-style-type: none"> * Dùng cho máy phát tia Plasma lạnh Plasma MED-GAP * Sản xuất năm 2022 trở đi * Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> - Argon độ tinh khiết 99,9995% - H₂O < 3 ppm; N₂ < 5 ppm; Oxygen < 2ppm * Bình chứa: <ul style="list-style-type: none"> - Bình hợp kim nhôm hoặc tương đương, dung tích 8 lít - Kích thước: 159 x 8 x 615 (mm) - Kích thước bao gồm nắp khoảng: 159 x 8 x 730 (mm) - Áp suất an toàn của bình chứa: 250Bar - Áp suất khí nén khi đầy: 130bar 	97	bình

		<ul style="list-style-type: none"> - Thể tích khí trong bình (Khi giải nén): 1.040 lít * Chuẩn kết nối: - Nối nhanh cơ khí: NTP G 1/4 – 6 mm - Giao diện nối điện tử: HDMI * Sản phẩm là hỗn hợp khí trong bình, không bao gồm vỏ bình và các bộ phận đi kèm 		
68	Mặt nạ khí dung với buồng xông khí dung	<ul style="list-style-type: none"> - Làm từ nhựa PVC, không gây kích ứng, bề mặt mềm mại, mịn màng, trong suốt. - Thiết kế thích hợp với tất cả các loại máy khí dung. Phù hợp với thiết bị của bệnh viện - Có dụng cụ chứa thuốc. Dây dẫn chính có chiều dài 2m. - Mặt nạ có dây đeo đàn hồi. Bầu đựng thuốc 6ml. Tốc độ phun sương từ 0.60ml -> 0.70ml/phút. Giọt phun sương từ 0.010ml - > 0.014ml/giọt. Lưu lượng 4.8L/Phút - Bao gồm mặt nạ, cốc thuốc, dây nối, thắt lưng đàn hồi, kẹp mũi (nhôm flake) có thể điều chỉnh và ống nối - Sản phẩm được dùng để quản lý thuốc cho người bệnh dưới dạng sương mù hít vào phổi - Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE.Gồm các size : S, M, L, XL 	115	cái
69	Chỉ lạnh	Làm từ chất liệu 100% sợi cotton màu trắng. nhạt trọng lượng 20 gram/ cuộn, chiều dài 360 m.	12	Cuộn
70	Dung dịch bôi trơn	Gel bôi trơn gốc nước, không nhờn dễ rửa Thành phần Propylene Glycol, EDTA 2 NA, Carbopol 940, Glycerine, Unigerm G-2, Sodium Carboxymethylcellulose, Sodium Hydroxide BP, Distilled water qs. đạt chứng chỉ ISO 13485	14	tuýp
71	Parapin	Chất rắn dạng sáp màu trắng , không mùi , không vị , với điểm nóng chảy thông thường nằm trong khoảng 47-65 độ C.Nó không hòa tan trong nước , nhưng hòa tan trong ê te , benzen và một số este .	460	kg
72	Bột tan	Bột màu trắng , thành phần chủ yếu là Sio2 và MgO , trọng lượng riêng khoảng 2,4g/cm3 , độ pH từ 7-9 .đóng gói 25 kg / bao	150	kg
73	Khóa ba chạc có dây nối	<ul style="list-style-type: none"> - Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vặn khóa đóng mở được và khóa luer-lock. - Có dây nối dài 10cm hoặc 25cm, mềm dẻo làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt, không chứa độc tố, có khóa chặn dòng. - Chạc ba có nòng trơn nhẵn, đảm bảo dòng chảy, góc xoay 360 độ. - Khóa không hở, thông tốt, độ nhạy tốt, dễ điều chỉnh - Có phiếu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn về độ vô khuẩn ISO 11737-2:2018, Hàm lượng chất gây sốt đạt tiêu chuẩn ISO 10993-7:2008 (của đơn vị thứ 3) 	115	cái
74	Canuyn nhựa có chế độ hâm miệng	<ul style="list-style-type: none"> Thiết kế bán cứng, không độc hại, linh hoạt và không gây kích ứng - Các cạnh được hoàn thiện mịn và bo tròn, ít sang chấn miệng, tối đa hóa sự thoải mái cho bệnh nhân - Đường dẫn khí êm ái giúp làm sạch dễ dàng 	150	cái
75	Đè lưỡi gỗ tiết trùng	Chất liệu gỗ, tiết tủng bằng khí EO. Kích thước 150x2x20mm .	15,548	cái

76	Giấy in nhiệt siêu âm	Dùng cho các dòng máy in của hãng Sony - Dung lượng: 215 bản in cho mỗi cuộn. - Kích thước 110 mm × 20 m	2,070	Cuộn
75	Giấy in nhiệt máy sinh hoá - huyết học - nước tiểu	Kích thước 50mm; 57mm; 58mm, chất liệu bằng giấy trắng in nhiệt	690	Cuộn
78	Điện cực tim	KT: 50mm, dạng hình tròn (dùng cho người lớn) Bề mặt tiếp xúc: dạng Gel AQUA-TAC, tiếp xúc ổn định, chất lượng truyền tín hiệu cao. - Đầu giác nối với máy: kim loại phủ bạc, truyền tín hiệu chất lượng cao nhất. - Miếng dán: Dạng Foam bền, dính chặt ổn định, dễ dàng dán vào cũng như tháo ra, không làm ảnh hưởng đến da bệnh nhân.	3,588	cái
79	Băng keo chỉ thị hấp ướt	- Vạch chỉ thị sẽ chuyển sang màu đen sau khi qua tiết khuẩn - Chỉ thị nhiệt 24mm x 55m có Acrylic và vạch mực chỉ thị hóa học.	28	Cuộn
80	Túi Camera	1. Ống nylon 18 x 230 cm. Dây buộc 2 ly 2 x60 cm 2. Túi nylon 9 x 14 cm. Dây buộc 2 ly 2 x 30cm Màu sắc đồng đều, có độ trong, bề mặt mịn có độ dẻo dai. + Dây cotton màu trắng, có độ bền cao. Yêu cầu an toàn: Không dính bụi bẩn, tạp chất, ko rách, thủng, ko kích ứng da... Được đóng gói trong bao bì giấy có màu chỉ thị tiết trùng dùng trong y tế.	345	túi
81	Ống đo tốc độ máu lắng	Ống thủy tinh chân không 8x120 mm chứa 0.32 mL chất chống đông dung dịch Natri citrate (3.2%) - Thể tích mẫu: 1.28mL - Nút cao su butyl đảm bảo duy trì chân không - Tiết trùng bằng E-Beam Hồng ngoại	3,910	ống
82	Kim chích máu	Kim chích máu, loại đầu xoay. Chất liệu: Thép không gỉ, Tay cầm nhựa PVC	34,500	cái
83	Canuyn mở khí quản các loại	Được làm bằng nhựa PVC không độc. Có bóng, cong 90 độ. Đầu van có khóa. Đường mờ tia X chạy dọc chiều dài ống. Không có cao su. Các cỡ	46	cái
84	Đinh Kirschner đầu vát nhọn các số	Vật liệu hợp kim không gỉ có độ dẻo độ cứng và độ bền vật liệu cao. Chịu lực sức bền cơ học chống mối vật liệu. Trung tính chống ăn mòn, chống ôxy hoá khử. Dẫn điện chống nhiễm từ tính. phi 2.5 x 250 mm.	92	cái
85	Nẹp lòng máng 1/3 các loại	Nẹp lòng máng 1/3 được làm từ chất liệu làm từ thép không gỉ cấp độ 5. Độ dày 1.8 mm, rộng 10 mm, số lỗ bắt vít từ 3 đến 12 lỗ, khoảng cách tâm 2 lỗ liên tiếp là 12mm, chiều dài tương ứng 39.8; 51.8; 63.8; 75.8; 87.8; 99.8; 111.8; 123.8; 135.8; 147.8mm, dùng vít thường 3.5 mm. Trên thân thể hiện rõ ký hiệu mã sản phẩm, số lỗ, nguyên vật liệu và tiêu chuẩn CE;	60	cái
86	Vít xương các loại, các cỡ	Vít xương cứng 3.5mm. Vít được làm từ chất liệu thép không gỉ, tự taro. Đường kính mũ vít 6.0mm với độ cao 2.9 mm, đầu lục giác vát đường kính 2.5mm, sâu 1.5mm. Độ rộng thân vít không gồm phần ren 2.5mm, gồm cả ren 3.5mm, chiều dài từ 10mm - 80mm, bước tăng 2mm trong dải từ 10 mm - 60 mm, bước tăng 5 mm trong dải từ 60 mm - 80 mm; bước ren 1.25mm. Có trợ cụ tương thích.	720	cái
87	bao cao su	Tiêu chuẩn cơ bản:	4,600	cái

		<p>Mùi: Không mùi</p> <p>Màu sắc và độ trong: Trong mờ và không màu</p> <p>+ Size 49: Chiều dài: ≥ 170 mm. Chiều rộng: $49 \text{ mm} \pm 2 \text{ mm}$</p> <p>+ Size 52: Chiều dài: ≥ 170 mm. Chiều rộng: $52 \text{ mm} \pm 2 \text{ mm}$</p> <p>Độ dày: $0,065 \text{ mm} \pm 0,015 \text{ mm}$ Thể tích và áp suất nổ:</p> <p>Trước lão hóa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể tích nổ: ≥ 16 lít, đối với bao cao su có chiều rộng nhỏ hơn 50 mm - Thể tích nổ: ≥ 18 lít, đối với bao cao su có chiều rộng từ 50 mm đến 56 mm - Áp suất nổ: $\geq 1.0 \text{ kPa}$ <p>Sau lão hóa ở 168 ± 2 giờ với nhiệt độ 70 ± 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể tích nổ: ≥ 16 lít, đối với bao cao su có chiều rộng nhỏ hơn 50 mm - Thể tích nổ: ≥ 18 lít, đối với bao cao su có chiều rộng từ 50 mm đến 56 mm - Áp suất nổ: $\geq 1.0 \text{ kPa}$ <p>Tiêu chuẩn cao: Ngoài tiêu chuẩn cơ bản, phải đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất bôi trơn Bao cao su được bôi trơn với dung dịch silicone có độ nhớt từ 200 đến 350 CS - Tổng trọng lượng bôi trơn và bột hương liệu là $550 \text{ mg} \pm 150 \text{ mg}$. 		
88	Lọ đựng mẫu xét nghiệm các loại, các cỡ	<p>Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu đỏ, dung tích 55 ml.</p> <ul style="list-style-type: none"> * Độ pH trung tính, có độ trơn láng cao. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 	10,350	cái
89	Muối viên	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: $\text{NaCl} \geq 99.5\%$ - Tính chất: <ul style="list-style-type: none"> + Dạng viên. Viên muối cứng, xốp, hòa tan tốt; + Độ ẩm $\leq 0.08\%$ + Kim loại nặng $\leq 0.006 \text{ mg/kg}$. 	200	kg
II 2.Hóa chất dùng chung				
90	Cồn sát trùng 70 độ	Cồn sát trùng 70 độ. Đáp ứng yêu cầu DĐVN V chuyên luận cồn y tế	2,332,200	ml
91	Cồn sát trùng 90 độ	Cồn đạt 90 độ, trong suốt, không màu, có mùi đặc trưng	69	lít
92	Cồn tuyệt đối	Ethanol 99%	5	lít
93	Bộ nhuộm Gram	<p>Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 100ml, Lugol chai 100ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 100ml và Safranin chai 100ml.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Đóng gói: Bộ 4 chai x 100ml 	9	Bộ
94	Dung dịch Giem sa mệ	Thành phần: Thuốc nhuộm Giemsa; 1000ml/lọ	5	lít
95	Lugol	<p>Lugol 3% là một chất lỏng màu nâu, có mùi hắc đặc biệt, không bắt lửa, hoà tan trong nước theo tỉ lệ bất kỳ.</p> <p>Thành phần: Iodine 15g, Kali Iodua 30g và nước cất tinh khiết vừa đủ 500ml.</p>	1,150	ml

		Trạng thái: Dạng lỏng, trong, màu nâu Quy cách: Chai 500ml		
96	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbol Fuchsin chai 250ml, Alcohol acid (Hydrochloric acid in ethanol) chai 250ml và Methylene Blue chai 250ml. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm	7	Bộ
Tổng cộng: 96 khoản				

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt:

Bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh

Khu phố 3 - Thị trấn Bến Sung – Huyện Như Thanh – Tỉnh Thanh Hóa

Bên bán chịu trách nhiệm vận chuyển giao hàng tại kho bên mua.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Sau 5 ngày kể từ ngày nhận dự trù.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không quá 90 ngày kể từ ngày hai bên ký nghiệm thu bàn giao hàng.

Nơi nhận:

- Như trên:(Đăng tải Website:

<http://benhviendakhoanhuthanh.vn/>)

- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Công Hưng